

Bản án số: 228/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lil

Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 581/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về *“tranh chấp ly hôn, nuôi con”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị B**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CG, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 20 tháng 11 năm 2023).

- Bị đơn: **Anh Hồ Minh N**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CG, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Minh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/7/2012. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, đã sống ly thân vào năm 2017. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Hồ Mai T, sinh ngày 10/9/2011. Cháu T hiện do chị nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hồ Minh N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh N vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Ý kiến của cháu Hồ Mai T: Hiện nay Cháu đang sống với mẹ, có cuộc sống ổn định, bình thường. Nếu cha mẹ ly hôn thì Cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Hồ Minh N; về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B yêu cầu ly hôn với anh Hồ Minh N, anh N cư trú tại ấp CG, xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Hồ Minh N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B và anh N theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị B yêu cầu ly hôn anh N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B và anh Hồ Minh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/7/2012 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống

hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2017. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị B yêu cầu ly hôn với anh N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị B và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh N.

[4] Về con chung: Chị B xác định chị và anh N có một người con chung, tên Hồ Mai T, sinh ngày 10/9/2011. Cháu T hiện do chị B nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; cháu T cũng có nguyện vọng được sống với chị B. Yêu cầu của chị Nguyễn Thị B phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Hơn nữa, hiện tại cháu Thảo đang sống cùng chị B, có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao cháu T cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, nhằm đảm bảo sự ổn định về các mặt đời sống và tinh thần cho Cháu.

[5] Về cấp dưỡng: Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị B xác định tự thỏa thuận với anh N về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị B xác định chị và anh N không có nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Hồ Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Mai T, sinh ngày 10/9/2011 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Hồ Minh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị B phải chịu, chị B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009608 ngày 13/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị B, anh Hồ Minh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã DT;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni

